

Số: 20/TB-MNTLH

Cử Chi, ngày 12 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO

Về niêm yết công khai thực hiện phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước,
thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023

Hôm nay, hồi 8 giờ 00 ngày 12 tháng 01 năm 2023,

Tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ.

Chúng tôi gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Tô Thị Kiều Phương – Chủ tịch công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá
- Ông Đặng Thanh Nhã – Kiêm văn thư
- Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên - Tổ trưởng Văn Phòng

Tiến hành niêm yết Quyết định số 12/QĐ-MNTLH ngày 12 tháng 01 năm 2023 (đính kèm Quy chế)

Việc niêm yết được thực hiện từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 12/02/2023 công khai rộng rãi cho cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường biết./.

BỘ PHẬN:

- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ.....
- Bà Tô Thị Kiều Phương.....
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi.....



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thu

Số: 12/QĐ-MNTLH

Củ Chi, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước,
thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023.**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TRUNG LẬP HẠ

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 16351/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đối với các đơn vị giáo dục đào tạo huyện;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Trường Mầm Non Trung Lập Hạ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện phân bổ thu chi dự toán ngân sách nhà nước, thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023 (theo biểu số 2 đính kèm).

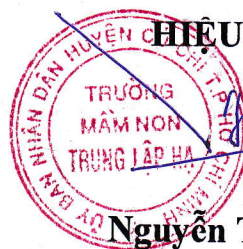
Điều 2: Hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị, trong Hội đồng sư phạm của đơn vị, trang web trường: <https://mntrunglapha.hcm.edu.vn>.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4: Ban giám hiệu, các phòng ban có liên quan và CB-GV-CNV Trường Mầm non Trung Lập Hạ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thu

Củ Chi, ngày 12 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN

**Về niêm yết công khai thực hiện phân bổ dự toán thu chi ngân sách,
thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023
theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC**

Thời gian: Vào lúc 15 giờ 15 phút, ngày 12 tháng 01 năm 3

Địa điểm: Hội trường, Trường Mầm non Trung Lập Hạ.

Chủ trì: Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng - Trưởng ban.

NỘI DUNG:

1 . Thành phần công khai

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Đỗ Thị Cẩm Loan - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chòi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá – Thư ký
- Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều – Giáo viên – Ban thanh tra nhân dân
- Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên - Tổ trưởng Văn Phòng

2. Nội dung công khai

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-MNTLH ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Trường Mầm non Trung Lập Hạ về việc công bố công khai thực hiện phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước, thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023;

Nhà trường thiết lập đầy đủ hồ niêm yết công khai thực hiện phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước, thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023 của Trường Mầm non Trung Lập Hạ gồm có:

- Công khai thực hiện phân bổ dự toán thu chi ngân sách đầu năm năm 2023.
- Công khai thực hiện phân bổ thu chi sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023 (Kèm theo mẫu biểu)

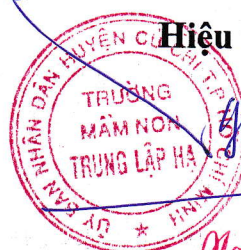
Thời gian niêm yết: Từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/02/2023.

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày ./.

Thư ký


Lê Thị Huyền

Hiệu trưởng




Nguyễn Thị Minh Thu

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Trung Lập Hạ
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 16/QĐ-MNTLH ngày 12 /01/2023 của Trường Mầm non Trung Lập Hạ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.510.525.886
I	Số thu phí, lệ phí (sự nghiệp)	1.510.525.886
1	Học phí	419.765.636
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	30.000.000
3	Tổ chức phục vụ bán trú	455.356.797
4	Vệ sinh phí bán trú	81.000.000
5	Công phục vụ ăn sáng	200.055.469
6	Thẻ đục nhíp điệu	176.186.584
7	Tiếng anh	148.161.400
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (sự nghiệp)	1.236.026.766
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.236.026.766
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.236.026.766
1	Học phí	238.281.972
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	30.000.000
3	Tổ chức phục vụ bán trú	422.450.609
4	Vệ sinh phí bán trú	81.000.000
5	Công phục vụ ăn sáng	194.294.185
6	Thẻ đục nhíp điệu	135.000.000
7	Tiếng anh	135.000.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.857.760.350
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.475.554.350
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.382.206.000

Ngày 12 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Thu

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 09/QĐ-MNTLH ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Trường Mầm non Trung Lập Hạ)

Mục	Tiểu mục	Nội dung	Tổng	Dự toán năm 2023			
				Thường xuyên		Không thường xuyên	
				Nguồn 13	Nguồn 14	Nguồn 12/15	Nguồn 14
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
		I. THU NGÂN SÁCH	7.141.084.151	3.628.182.112	0	1.085.604.048	2.427.297.991
		- Dự toán năm trước chuyển sang, trong đó:	283.323.801	152.627.762	0	107.704.048	22.991.991
		+Kinh phí hoạt động	152.627.762	152.627.762	0	0	0
		+Kinh phí phụ cấp thu hút + sửa chữa nhỏ (nguồn 15)	107.704.048	0	0	107.704.048	
		+CCTL chuyển sang	22.991.991	0	0	0	22.991.991
		- Dự toán giao trong năm 2023:	6.857.760.350	3.475.554.350	0	977.900.000	2.404.306.000
		+KP đảm bảo chi thường xuyên	3.475.554.350	3.475.554.350	0		
		+Nghị quyết 27	2.404.306.000	0	0	0	2.404.306.000
		+Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ81; miễn giảm học phí theo NĐ81; các khoản hỗ trợ giáo viên mầm non theo NQ01, NQ04; phụ cấp vùng sâu và kinh phí sửa chữa nhỏ	977.900.000	0	0	977.900.000	0
		+Giao cân đối CCTL năm trước chuyển sang chi Nghị quyết 27	0	0	0	0	0
		II. CHI NGÂN SÁCH	7.141.084.151	3.628.182.112	0	1.085.604.048	2.427.297.991
		1. Chi dự toán năm trước chuyển sang	158.452.641	58.348.593	0	100.104.048	0
	6105	+ Chi tiền làm thêm giờ (nguồn 13)	58.348.593	58.348.593	0	0	0
	6103	+ Chi tiền phụ cấp thu hút do GV học nâng chuẩn lên đại học do xin kinh phí năm 2022 còn thiếu 4.950.000đ nên chưa thực hiện (nguồn 15)	13.506.048	0	0	13.506.048	0
	6949	+ Chi sửa chữa nhỏ (nguồn 15)	86.598.000	0	0	86.598.000	0
		2. Chi thường xuyên năm 2023	3.569.833.519	3.569.833.519	0	0	0
		a. Chi thanh toán cá nhân	2.632.621.350	2.632.621.350	0	0	0
6000		Tiền lương	1.357.954.345	1.357.954.345	0		0
	6001	Lương ngạch bậc	1.357.954.345	1.357.954.345	0		0
		hs 72.905 x 1.490 x 12th	1.303.541.400	1.303.541.400	0		0
		Nâng bậc lương 18,5x1490*12T, dự trừ nhân sự thiếu 26.848.235	54.412.945	54.412.945	0		0
6100		Phụ cấp lương	871.197.923	871.197.923	0		0
	6101	Phụ cấp chức vụ	32.184.000	32.184.000	0		0
		IHT: 0,5; 02 PHT: 0,35; 03 TT: 0,2	32.184.000	32.184.000	0		0
	6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ (cấp 272.107.000đ)	272.107.000	272.107.000	0		0
	6112	Phụ cấp đặc biệt của ngành	437.516.494	437.516.494	0		0
		HSUD (23.93475)*1490*12+(6.475*1490)	437.516.494	437.516.494	0		0
	6113	Phụ cấp trách nhiệm	1.788.000	1.788.000	0		0
		hs 0,1 x 1210000 x 12th	1.788.000	1.788.000	0		0
	6115	Phụ cấp thâm niên nghề, TNVK	127.602.429	127.602.429	0		0
		thâm niên 6,866*1490*12*0,895	122.764.080	122.764.080	0		0
		Tăng hệ số thâm niên nhà giáo năm 2023	4.838.349	4.838.349	0		0
6300		Các khoản đóng góp	356.669.082	356.669.082	0		0

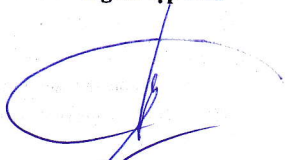
Mục	Tiểu mục	Nội dung	Tổng	Dự toán năm 2023			
				Thường xuyên		Không thường xuyên	
				Nguồn 13	Nguồn 14	Nguồn 12/15	Nguồn 14
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
	6301	Bảo Hiểm Xã Hội 17,5%	265.604.635	265.604.635	0		0
		BHXH 17.5% TM 6001,6101	243.274.210	243.274.210	0		0
		Bảo Hiểm Xã Hội 17.5% TNNG TM6115	22.330.425	22.330.425	0		0
	6302	Bảo Hiểm Y Tế 3%	45.532.223	45.532.223	0		0
		Bảo Hiểm Y Tế 3% TM 6001,6101	41.704.150	41.704.150	0		0
		Bảo Hiểm Y Tế 3% TNNG TM6115	3.828.073	3.828.073	0		0
	6303	Kinh phí công đoàn 2%	30.354.815	30.354.815	0		0
		KPCĐ 2% TM 6001,6101	27.802.767	27.802.767	0		0
		KPCĐ 2% TNNG TM6115	2.552.049	2.552.049	0		0
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp 1%	15.177.408	15.177.408	0		0
		BHTN 1% TM 6001,6101	13.901.383	13.901.383	0		0
		Bảo hiểm thất nghiệp 1% TNNG TM6115	1.276.024	1.276.024	0	0	0
		* CCTL chưa phân bổ năm 2023	0	0	0	0	0
		- Phụ cấp TNVK, thâm niên nghề năm 2022 mang sang	0	0	0	0	0
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	46.800.000	46.800.000	0		0
	6449	Trợ cấp , phụ cấp khác: trợ cấp tết 26x1tr8	46.800.000	46.800.000			
	6449	Chi khác (chi thu nhập tăng thêm)	0				
		- Chi NQ04 quý 4/2022 cho BGH	0				
		- Cân đối chi NQ27 từ CCTL năm trước chuyển sang	0				
		* CCTL chưa phân bổ năm 2023	0	0	0	0	0
		- Phụ cấp TNVK, thâm niên nghề năm 2022 mang sang	0	0	0	0	0
		b. Chi hàng hóa, dịch vụ	650.612.169	650.612.169	0	0	0
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	82.400.000	82.400.000	0		
	6501	Tiền điện	70.000.000	70.000.000	0		
		Tiền điện 7.000.000đ x 10 tháng	70.000.000	70.000.000	0		
	6502	Tiền Nước 400.000đ x 12	4.000.000	4.000.000	0		
	6504	Tiền vệ sinh môi trường 700.000đ x 12T	8.400.000	8.400.000	0		
	6550	Vật tư văn phòng	69.627.169	69.627.169	0		
	6551	Văn phòng phẩm	18.000.000	18.000.000	0		
		Giấy A4 x+100gram x 95.000đ	9.500.000	9.500.000	0		
		Bìa nút 200cái x 5.500đ	1.100.000	1.100.000	0		
		Giấy màu A4 x 30gr x 50.000	1.500.000	1.500.000	0		
		Viết bút bi 10 hộp x 90.000đ	900.000	900.000	0		
		Băng keo dán 50 cuộn x 11.000đ	600.000	600.000	0		
		Hộp hồ sơ 20 cái x 45.000đ	900.000	900.000	0		
		bìa 3 dây, bìa trình ký, pin, keo, kéo,...	3.500.000	3.500.000	0		
	6552	Công cụ , dụng cụ văn phòng: DT: máy scan, xe đạp 3 bánh, bảng biểu,...	30.000.000	30.000.000	0		
	6599	Vật tư văn phòng khác	21.627.169	21.627.169	0		
		Hộp mực in 5 x 1.500.000đ	7.627.169	7.627.169	0		
		Bom mực 50b x 120.000đ + khác 8tr	14.000.000	14.000.000	0		
	6600	Thông tin liên lạc	28.500.000	28.500.000	0		
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	1.200.000	1.200.000	0		
		Cước điện thoại 100.000đ x 12th x 1 máy	1.200.000	1.200.000	0		
	6605	Thuê bao kênh vệ tinh, cáp truyền hình, cước In	2.000.000	2.000.000	0		
		Cước Inter net 2.000.000đ trả 1 năm	2.000.000	2.000.000	0		
	6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách , báo , tạp	10.000.000	10.000.000	0		

Mục	Tiểu mục	Nội dung	Tổng	Dự toán năm 2023			
				Thường xuyên		Không thường xuyên	
				Nguồn 13	Nguồn 14	Nguồn 12/15	Nguồn 14
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
		* Sách, báo, tài liệu chuyên môn, quay video,...	10.000.000	10.000.000	0		
	6618	Khoản điện thoại	10.800.000	10.800.000	0		
		HT: 300.000đ/th	3.600.000	3.600.000	0		
		2PHT, KT:200.000đ/th	7.200.000	7.200.000	0		
	6649	Chi khác	4.500.000	4.500.000	0		
		Vận hành công thông tin điện tử	2.400.000	2.400.000	0		
		Duy trì mạng KĐCL, khác 9tr	9.000.000	9.000.000	0		
		Phần mềm kế toán IMAS	2.700.000	2.700.000	0		
		Phần mềm quản lý tài sản	1.800.000	1.800.000	0		
	6650	Hội nghị	0		0		
	6652	Bồi dưỡng GV, BCV	0		0		
	6699	Chi phí khác	0		0		
	6700	Công tác phí	29.400.000	29.400.000	0		
	6702	Phụ cấp công tác phí 20 đầu x 150.000đ	3.000.000	3.000.000	0		
	6704	Khoản công tác phí	26.400.000	26.400.000	0		
		HT, KT, VT: 500.000đ/th x 12th	12.000.000	12.000.000	0		
		2 PHT:300.000đ/th x 12th	7.200.000	7.200.000	0		
		Y tế kiểm PCGDMN 300,000đ x 12th, CTCD: 200.000đ/th x 12th; Bỉ thư chi đoàn: 100,000đ/th x 12th	7.200.000	7.200.000	0		
	6750	Chi phí thuê mướn	308.685.000	308.685.000	0		
	6757	Thuê lao động trong nước (cấp 282.285.000đ)	302.685.000	302.685.000	0		
		NV bảo vệ 01 người 4.680,000đ x 1,07% x 1,235 x 12 tháng	74.212.200	74.212.200	0		
		NV bảo vệ 01 người 4.680,000đ x 1,235 x 12T	69.357.600	69.357.600	0		
		NV phục vụ 02 người 4.680,000đ x 1,235 x 12T	138.715.200	138.715.200	0		
		Phụ cấp trực đêm, chăm sóc cây kiểng, xăng	20.400.000	20.400.000	0		
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	6.000.000	6.000.000	0		
		Tập huấn Imas, học NV chuyên môn, ANQP, ATP, PCCC ...	6.000.000	6.000.000	0		
	6799	Chi phí thuê mướn khác	0	0	0		
	6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	52.000.000	52.000.000	0		
	6907	Nhà cửa (thay gạch men các lớp bị tróc)	5.000.000	5.000.000	0		
	6908	Thiết bị PCCC	0	0	0		
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin: sửa máy VT, HT mạng	20.000.000	20.000.000	0		
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	0	0	0		
	6916	Máy bơm nước	10.000.000	10.000.000	0		
	6917	Bảo trì, hoàn thiện phần mềm MT	0	0	0		
	6921	Đường điện, cấp thoát nước	5.000.000	5.000.000	0		
	6949	TSCĐ và c/trình HTCS khác	12.000.000	12.000.000	0		
	6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên m	0	0	0		
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngà	70.000.000	70.000.000	0		
	7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM	50.000.000	50.000.000	0		
		Chi mua vật liệu làm DDDC cho trẻ	50.000.000	50.000.000	0		
	7049	Chi phí khác	20.000.000	20.000.000	0		

Mục	Tiểu mục	Nội dung	Tổng	Dự toán năm 2023			
				Thường xuyên		Không thường xuyên	
				Nguồn 13	Nguồn 14	Nguồn 12/15	Nguồn 14
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5
7050		Mua sắm tài sản vô hình	0	0	0		
7750		Chi khác	10.000.000	10.000.000	0		
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	0	0	0		
	7758	Chi hỗ trợ khác	0	0	0		
	7799	Chi các khoản khác (mua phân, tro, đất,...)	10.000.000	10.000.000	0		
		c. Chi từ kinh phí tiết kiệm	286.600.000	286.600.000	0	0	0
		* Nếu là đơn vị sự nghiệp	286.600.000	286.600.000	0		
		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	286.600.000	286.600.000			
6250		Phúc lợi tập thể	171.960.000	171.960.000	0		
	6299	Tiền thưởng (Lao động TT 30nx 1.490ngđx0,3)	13.410.000	13.410.000	0		
	6299	Chia sẻ thu nhập tăng thêm cho HĐ Nghị định 68,161 mức (3trđ/quý đến 3,6trđ/ quý) x4 người x4 quý	57.600.000	57.600.000			
	6299	Chi đồng phục, tham quan du lịch cho CB-GV-NV (BC+HĐ68,161)....	100.950.000	100.950.000			
6400	6404	Chi thu nhập tăng thêm (theo quy chế)	114.640.000	114.640.000	0		
		3. Chi không thường xuyên năm 2023	3.412.797.991	0	0	985.500.000	2.427.297.991
6100		Phụ cấp lương	721.700.000	0	0	721.700.000	0
	6103	Phụ cấp thu hút	330.450.000	0	0	330.450.000	0
		Bảng cấp (18 ĐH x 900.000đ, 2CĐ x 550.000đ) x 1	207.600.000	0	0	207.600.000	0
		Tính chất công việc 21 x 650.000đ x 9th	122.850.000	0	0	122.850.000	0
	6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	391.250.000	0	0	391.250.000	0
		Số kinh phí cấp	391.250.000	0	0	391.250.000	0
6150		Học bổng học sinh , sinh viên	7.800.000	0	0	7.800.000	0
	6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	5.400.000	0	0	5.400.000	0
	6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2.400.000	0	0	2.400.000	0
	6199	Các khoản hỗ trợ khác	0	0	0	0	0
		Ấn trư 06 tr 06 tr x 9th x 160.000)	0	0	0	0	0
6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	218.400.000	0	0	218.400.000	2.404.306.000
	6449	Trợ cấp , phụ cấp khác	218.400.000	0	0	218.400.000	2.404.306.000
		Thu nhập tăng thêm theo NQ27 cấp 2.404.306.000đ	0	0	0	0	2.404.306.000
		Vùng sâu (26nx700.000đx12T)	218.400.000			218.400.000	
6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	30.000.000	0	0	30.000.000	0
	6907	Nhà cửa	30.000.000	0	0	30.000.000	
		* Chưa phân bổ năm 2023	30.591.991	0	0	7.600.000	22.991.991
		- CCTL năm 2022 mang sang	0	0	0	0	22.991.991
		- Kinh phí cấp bù học phí năm 2022 nguồn 15 mang sang	7.600.000	0	0	7.600.000	0
		III. CHUYỂN SANG NĂM SAU: (III=I-II)	0	0	0	0	0

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN HỌC PHÍ

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	273.332.374	70.380.000	202.952.374	419.765.636	167.940.000	251.825.636
		- Năm trước chuyển sang	156.032.374	-	156.032.374	139.865.636	0	139.865.636
		- Năm nay	117.300.000	70.380.000	46.920.000	279.900.000	167.940.000	111.960.000
II		Chi phí	118.906.898	55.820.160	63.086.738	238.281.972	167.940.000	70.341.972
	468	Số chi CCTL	63.086.738	-	63.086.738	70.341.972	0	70.341.972
	6449	Chi khác			63.086.738	70.341.972	0	70.341.972
I	632	- Giá vốn bán hàng	37.831.600	47.582.160	0	151.146.000	151.146.000	0
	6100	Phụ cấp lương	0	9.750.560	0	11.300.160	11.300.160	0
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	9.750.560	9.750.560	0	11.300.160	11.300.160	0
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	-	0		14.000.000	14.000.000	
	6501	Tiền điện	0	0		14.000.000	14.000.000	
	6550	Vật tư văn phòng	-	-		44.245.840	44.245.840	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		4.245.840	4.245.840	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0			10.000.000	10.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	0	0		30.000.000	30.000.000	
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	-	-		16.600.000	16.600.000	-
	6601	Cước phí điện thoại trong nước	0	0		0	0	
	6606	Tuyên truyền quảng cáo		0		6.000.000	6.000.000	
	6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí	0			5.600.000	5.600.000	
	6649	Chi khác	0	0		5.000.000	5.000.000	
	6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên	16.588.000	16.588.000		15.000.000	15.000.000	
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	16.588.000	16.588.000		5.000.000	5.000.000	
	6921	Đường điện, cấp thoát nước		0		5.000.000	5.000.000	
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		5.000.000	5.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	21.243.600	21.243.600		40.000.000	40.000.000	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	21.243.600	21.243.600		30.000.000	30.000.000	
	7049	Chi khác	0	0		10.000.000	10.000.000	
	7050	Mua sắm tài sản vô hình				0	0	
	7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin					0	
	7750	Chi khác	-	0		10.000.000	10.000.000	
	7799	Chi các khoản khác	0	0		10.000.000	10.000.000	
2	642	- Chi phí quản lý	8.238.000	8.238.000		16.794.000	16.794.000	-
a	6421	+ CP tiền lương, tiền công và chi phí khác cho NV	8.238.000	8.238.000		16.794.000	16.794.000	
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	8.238.000	8.238.000		16.794.000	16.794.000	
	6449	Chi khác	8.238.000	8.238.000		16.794.000	16.794.000	
b	6422	+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	0	0		0	0	-
c	6423	+ Chi phí khảo hao TSCĐ	0	0		0	0	-
d	6428	+ Chi phí hoạt động khác	0	0		0	0	-
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	154.425.476	14.559.840	139.865.636	231.812.374	-	181.483.664
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	14.559.840	14.559.840		181.483.664	-	
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng	0	0		-	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	14.559.840	14.559.840		-	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	139.865.636	-	139.865.636	181.483.664	-	181.483.664

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyền

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN THIẾT BỊ, VẬT DỤNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	60.697.000	60.697.000	-	30.000.000	30.000.000	0
		- Năm trước chuyển sang	3.097.000	3.097.000	-	0	0	0
		- Năm nay	57.600.000	57.600.000	-	30.000.000	30.000.000	0
II		Chi phí	60.697.000	60.697.000	0	30.000.000	30.000.000	0
	468	Số chi CCTL	-	-	-	-	0	-
	6449	Chi khác			0	0	0	0
1	632	- Giá vốn bán hàng	36.602.000	60.697.000	0	30.000.000	30.000.000	0
	6100	Phụ cấp lương	0	0	0	0	0	0
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	0	0	0	0	0	0
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	-	0		0	0	
	6501	Tiền điện	0	0		0	0	
	6550	Vật tư văn phòng	36.602.000	36.602.000		30.000.000	30.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		0	0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	15.950.000	15.950.000		10.000.000	10.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	20.652.000	20.652.000		20.000.000	20.000.000	
	6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	24.095.000	24.095.000		0	0	
	6999	Tài sản và thiết bị khác	24.095.000	24.095.000		0	0	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	-
a	6421	+ CP tiền lương, tiền công và chi phí khác cho NV	0	0		-	0	
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	0		0	0	
	6449	Chi khác	0	0		0	0	
b	6422	+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	0	0		0	0	-
c	6423	+ Chi phí khảo hao TSCĐ	0	0		0	0	-
d	6428	+ Chi phí hoạt động khác	0	0		0	0	-
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	-	-	-	-	-	-
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	-	-	-	-	-	-
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng	0	0		-	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	0	0		-	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyền

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN: TỔ CHỨC PHỤC VỤ BÁN TRÚ

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	401.329.449	387.257.000	14.072.449	455.356.797	422.450.609	32.906.188
		- Năm trước chuyển sang	14.072.449	0	14.072.449	50.356.797	17.450.609	32.906.188
		- Năm nay	387.257.000	387.257.000	0	405.000.000	405.000.000	0
II		Chi phí	340.172.652	340.172.652	0	422.450.609	422.450.609	0
	468	Số chi CCTL			-	-		
1	632	- Giá vốn bán hàng	340.172.652	340.172.652	0	422.450.609	422.450.609	0
	6300	Các khoản đóng góp	13.395.200	13.395.200		18.111.600	18.111.600	0
		21,5% BHXH, BHYT, BHTN	13.395.200	13.395.200		18.111.600	18.111.600	
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	211.149.794	211.149.794	0	221.648.400	221.648.400	0
	6449	Chi khác	211.149.794	211.149.794		221.648.400	221.648.400	
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.120.550	9.120.550		41.000.000	41.000.000	
	6501	Tiền điện	3.381.142	3.381.142		25.000.000	25.000.000	
	6502	Tiền nước	3.093.408	3.093.408		5.000.000	5.000.000	
	6503	Tiền nhiên liệu		2.646.000		8.000.000	8.000.000	
	6504	Tiền vệ sinh môi trường		0			3.000.000	
	6550	Vật tư văn phòng	5.594.400	5.594.400		43.000.000	43.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		3.000.000	3.000.000	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		30.000.000	30.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	5.594.400	5.594.400		10.000.000	10.000.000	
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.000.000	3.000.000		3.000.000	3.000.000	-
	6649	Khác	3.000.000	3.000.000		3.000.000	3.000.000	
	6750	Chi phí thuê mướn	85.260.606	85.260.606		0	0	
	6757	Thuê lao động trong nước	85.260.606	85.260.606		84.240.000	84.240.000	
	6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên m	1.040.000	1.040.000		50.000.000	50.000.000	
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	0			0		
	6921	Đường điện, cấp thoát nước	1.040.000	1.040.000		30.000.000	30.000.000	
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		20.000.000	20.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7.955.390	7.955.390		21.690.609	21.690.609	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	3.697.390	3.697.390		0	0	
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	0	0		4.000.000	4.000.000	
	7049	Chi khác	4.258.000	4.258.000		17.690.609	17.690.609	
	7750	Chi khác	3.656.712	3.656.712		24.000.000	24.000.000	
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	877.000	877.000		4.000.000	4.000.000	
	7799	Chi các khoản khác	2.779.712	2.779.712		20.000.000	20.000.000	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	0
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	47.084.348	28.250.609	18.833.739	0	0	0
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	28.250.609	28.250.609			0	
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng, hỗ trợ NV	10.800.000	10.800.000		0	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	0	0		0	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	50.356.797	17.450.609	32.906.188	32.906.188	0	32.906.188

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN: VỆ SINH PHÍ BÁN TRÚ

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	81.848.000	81.848.000	-	81.000.000	81.000.000	0
		- Năm trước chuyển sang	-	0	0	0	0	0
		- Năm nay	81.848.000	81.848.000	0	81.000.000	81.000.000	0
II		Chi phí	81.848.000	81.848.000	0	81.000.000	81.000.000	0
	468	Số chi CCTL			-	-		
1	632	- Giá vốn bán hàng	81.848.000	81.848.000	0	81.000.000	81.000.000	0
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	5.108.400	5.108.400		12.000.000	12.000.000	
	6501	Tiền điện	0	0		0	0	
	6502	Tiền nước	0	0		0	0	
	6503	Tiền nhiên liệu		0		0	0	
	6504	Tiền vệ sinh môi trường		5.108.400			12.000.000	
	6550	Vật tư văn phòng	71.326.200	71.326.200		69.000.000	69.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		0	0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	1.320.000	1.320.000		5.000.000	5.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	70.006.200	70.006.200		64.000.000	64.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5.413.400	5.413.400		0	0	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	5.413.400	5.413.400		0	0	
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	0	0		0	0	
	7049	Chi khác	0	0		0	0	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	0
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	-	-	-	0	0	0
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	-	-	-	0	0	0
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng, hỗ trợ NV	0	0		0	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	0	0		0	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	-	-	-	0	0	0

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu



BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN: CÔNG PHỤC VỤ ẨM SÁNG

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	145.756.284	139.995.000	5.761.284	200.055.469	194.294.185	5.761.284
		- Năm trước chuyển sang	-	0	0	29.955.469	24.194.185	5.761.284
		- Năm nay	145.756.284	139.995.000	5.761.284	170.100.000	170.100.000	0
II		Chi phí	115.800.815	115.800.815	0	194.294.185	194.294.185	0
	468	Số chi CCTL			-	-		
I	632	- Giá vốn bán hàng	115.800.815	115.800.815	0	194.294.185	194.294.185	0
	6300	Các khoản đóng góp	0	0		0	0	0
		21,5% BHXH, BHYT, BHTN	0	0		0	0	0
	6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	109.507.200	109.507.200	0	136.080.000	136.080.000	0
	6449	Chi khác	109.507.200	109.507.200		136.080.000	136.080.000	
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	413.615	413.615		0	0	
	6501	Tiền điện	413.615	413.615		0	0	
	6550	Vật tư văn phòng	-	-		40.000.000	40.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		0	0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		10.000.000	10.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	0	0		30.000.000	30.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5.880.000	5.880.000		7.200.000	7.200.000	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	0	0		0	0	
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	5.880.000	5.880.000		7.200.000	7.200.000	
	7049	Chi khác	0	0		0	0	
	7750	Chi khác	-	0		11.014.185	11.014.185	
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	0	0		0	0	
	7799	Chi các khoản khác	0	0		11.014.185	11.014.185	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	0
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	24.194.185	24.194.185		0	0	0
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	-	-			0	
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng, hỗ trợ NV	0	0		0	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	0	0		0	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	29.955.469	24.194.185	5.761.284	5.761.284	0	5.761.284

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN: THỂ DỤC NHỊP ĐIỀU

STT	Mục/ Tiểu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	152.929.584	121.625.000	31.304.584	176.186.584	135.000.000	41.186.584
		- Năm trước chuyển sang	-	0	0	41.186.584	0	41.186.584
		- Năm nay	152.929.584	121.625.000	31.304.584	135.000.000	135.000.000	0
II		Chi phí	96.920.000	96.920.000	0	135.000.000	135.000.000	0
	468	Số chi CCTL			-	-		
1	632	- Giá vốn bán hàng	96.920.000	96.920.000	0	135.000.000	135.000.000	0
	6550	Vật tư văn phòng	-	-		40.000.000	40.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		0	0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		10.000.000	10.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	0	0		30.000.000	30.000.000	
	6750	Chi phí thuê mướn	96.920.000	96.920.000		0	0	
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	0			0		
	6757	Thuê lao động trong nước	96.920.000	96.920.000		108.000.000	108.000.000	
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	0			0		
	6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên m	-	0		50.000.000	50.000.000	
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	0			0		
	6921	Đường điện, cấp thoát nước	0	0		0	0	
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		50.000.000	50.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	0		45.000.000	45.000.000	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	0	0		45.000.000	45.000.000	
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	0	0		0	0	
	7049	Chi khác	0	0		0	0	
	7750	Chi khác	-	0		0	0	
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	0	0		0	0	
	7799	Chi các khoản khác	0	0		0	0	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	0
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	24.705.000	14.823.000	9.882.000	0	0	0
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	14.823.000	14.823.000			0	
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng, hỗ trợ NV	0	0		0	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	14.823.000	14.823.000		0	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	41.186.584	-	41.186.584	41.186.584	0	41.186.584

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Minh Thu

BẢNG THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI NĂM 2023
NGUỒN: TIẾNG ANH

STT	Mục/ Tiêu mục	Nội dung	Thực hiện năm 2022			Dự toán 2023		
			Tổng cộng	Hoạt động	CCTL	Tổng cộng	Hoạt động	CCTL
I		Doanh thu	116.151.400	109.600.000	6.551.400	148.161.400	135.000.000	13.161.400
		- Năm trước chuyển sang	-	0	0	13.161.400	0	13.161.400
		- Năm nay	116.151.400	109.600.000	6.551.400	135.000.000	135.000.000	0
II		Chi phí	93.075.000	93.075.000	0	135.000.000	135.000.000	0
	468	Số chi CCTL			-	-		
1	632	- Giá vốn bán hàng	93.075.000	93.075.000	0	135.000.000	135.000.000	0
	6550	Vật tư văn phòng	-	-		40.000.000	40.000.000	-
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		0	0	
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0	0		10.000.000	10.000.000	
	6599	Vật tư văn phòng khác	0	0		30.000.000	30.000.000	
	6750	Chi phí thuê mướn	93.075.000	93.075.000		0	0	
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	0			0		
	6757	Thuê lao động trong nước	93.075.000	93.075.000		114.750.000	114.750.000	
	6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	0			0		
	6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên m	-	0		50.000.000	50.000.000	
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	0			0		
	6921	Đường điện, cấp thoát nước	0	0		0	0	
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	0	0		50.000.000	50.000.000	
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	0		45.000.000	45.000.000	
	7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	0	0		45.000.000	45.000.000	
	7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	0	0		0	0	
	7049	Chi khác	0	0		0	0	
	7750	Chi khác	-	0		0	0	
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	0	0		0	0	
	7799	Chi các khoản khác	0	0		0	0	
2	642	- Chi phí quản lý	0	0		0	0	0
III		Phân phối kết quả tài chính (nhóm 4)	16.525.000	9.915.000	6.610.000	0	0	0
	1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm được	9.915.000	9.915.000			0	
	6299	Chi trợ cấp tết cho nhân viên hợp đồng, hỗ trợ NV	0	0		0	0	
	6404	Chi bổ sung thu nhập (tăng thu nhập cho CB-GV-NV)	9.915.000	9.915.000		0	0	
	2.	Chuyển sang năm sau	13.161.400	-	13.161.400	13.161.400	0	13.161.400

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Minh Thu

DỰ TOÁN THU CHI NĂM 2023
NGUỒN THU HỘ CHI HỘ

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Dự toán 2023
	Tổng mang sang	-	246.347.192
	Tổng Thu	2.045.866.500	2.246.850.000
	Tổng chi	1.799.519.308	2.493.197.192
	Tồn	246.347.192	-
1	1/ Tiền ăn sáng		
I	Doanh thu	333.235.000	421.986.220
	- Năm trước chuyển sang	-	25.086.220
	- Năm nay	333.235.000	396.900.000
II	Chi phí	308.148.780	421.986.220
	Chi tiền thực phẩm, sữa, trà nước	308.148.780	421.986.220
	Tồn I-II	25.086.220	-
2	2/ Tiền ăn		
I	Doanh thu	1.481.009.000	1.915.797.292
	- Năm trước chuyển sang	-	214.797.292
	- Năm nay	1.481.009.000	1.701.000.000
II	Chi phí	1.266.211.708	1.915.797.292
	Chi tiền thực phẩm, sữa, trà nước	1.266.211.708	1.915.797.292
	Tồn I-II	214.797.292	-
3	3/ Tiền nước uống		
I	Doanh thu	52.155.000	54.107.980
	- Năm trước chuyển sang	-	107.980
	- Năm nay	52.155.000	54.000.000
II	Chi phí	52.047.020	54.107.980
	Chi tiền mua nước uống	52.047.020	54.107.980
	Tồn I-II	107.980	-
4	4/ Tiền học phẩm-dụng cụ		
I	Doanh thu	170.137.500	91.975.700
	- Năm trước chuyển sang	-	6.355.700
	- Năm nay	170.137.500	85.620.000
II	Chi phí	163.781.800	91.975.700
	Chi mua sách vở từ PGD, chi mua dụng cụ học tập	163.781.800	91.975.700
	Tồn I-II	6.355.700	-
5	5/ Tiền bảo hiểm tai nạn học sinh		
I	Doanh thu	9.330.000	9.330.000
	- Năm trước chuyển sang	-	-
	- Năm nay	9.330.000	9.330.000
II	Chi phí	9.330.000	9.330.000
	Chi tiền mua bảo hiểm	9.330.000	9.330.000
	Tồn I-II	-	-

Củ Chi, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Nguyễn Thị Minh Thu



Cử Chi, ngày 11 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN

**Kết thúc niêm yết công khai thực hiện phân bổ dự toán thu chi ngân sách
đầu năm 2023 theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
và Thông tư 90/2018/TT-BTC**

Thời gian: Vào lúc 16 giờ 20 phút, ngày 11 tháng 02 năm 2023

Địa điểm: Hội trường, Trường Mầm non Trung Lập Hạ.

Chủ trì: Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng - Trưởng ban.

NỘI DUNG:

1 . Thành phần công khai

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Đỗ Thị Cẩm Loan - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá – Thư ký
- Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều – Giáo viên – Ban thanh tra nhân dân
- Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên - Tổ trưởng Văn Phòng

2. Nội dung

Lập biên bản về việc tháo dỡ niêm yết công khai thực hiện phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước, thu sự nghiệp và thu hộ chi hộ năm 2023 theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC tại trụ sở làm việc

Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 45 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan thống nhất thông qua./.

Thư ký



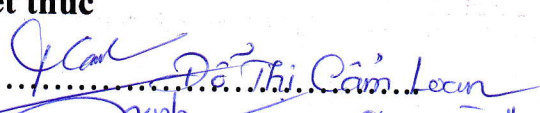
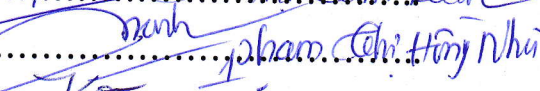
Lê Thị Huyền

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Minh Thu

Đại diện những người kết thúc

1. Đỗ Thị Cẩm Loan:.....
2. Phạm Thị Hồng Nhũ
3. Nguyễn Thị Kiều Nhi:.....